

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	15 - 45

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinavico (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Vinavico tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0103008626 ngày 06 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên, địa chỉ, vốn điều lệ và người đại diện theo Pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04.37.573.879
- Fax : 04.37.573.880

### **Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:**

- Lập trình máy tính;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê;

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đại lý;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Quảng cáo;
- Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: ủy thác xuất nhập khẩu; Dịch vụ đại lý tà biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; Dịch vụ logistic).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản);

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**  
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Mai Văn Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Thạch Quý	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Mai Ngọc Mạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Bao	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Anh Tuấn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Bà Lã Thị Thúy Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Bà Dương Thị Hồng Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Công Đường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Mai Xuân Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016

**Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Văn Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2016
Ông Mai Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2016
Ông Mai Hồng Bằng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2016

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Mai Văn Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2016
Ông Mai Hồng Bằng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2016

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Tổng Giám đốc**  


**Mai Văn Sơn**

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

15-  
HÀ  
G T  
M T  
V N  
& C  
H A

Số: 294/2017/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vinavico (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2017, từ trang 08 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinavico tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2017  
VH  
Y  
ĐU H  
TUV  
HỘI  
P. H

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc về một số vấn đề sau:

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 125/NQ-HĐQT/VINAVICO ngày 12/8/2016, Hội đồng quản trị Công ty quyết định: (i) Bàn giao toàn bộ khách hàng của Công ty cho Công ty Cổ phần Chế biến khoáng sản Vinavico để Công ty này tiếp tục thực hiện việc chăm sóc khách hàng, đảm bảo cung cấp hàng hóa liên tục cho khách hàng; (ii) Chuyển toàn bộ phòng kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty sang Công ty Cổ phần Chế biến khoáng sản Vinavico.
- Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2016 bị lỗ 23.189.887.568 VND và lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 49.894.815.693 VND.

Những nội dung này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh số VII.5 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

**Hoàng Thị Viêt - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0374-2013-008-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>47.892.352.194</b>	<b>62.299.890.228</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>61.424.172</b>	<b>1.979.639.415</b>
1. Tiền	111		61.424.172	179.639.415
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>241.146.700</b>	<b>241.165.900</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	302.325.055	302.325.055
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(61.178.355)	(61.159.155)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.607.795.472</b>	<b>40.594.708.707</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	26.730.243.121	21.670.148.024
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.264.173.709	19.194.391.475
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.295.424.616	2.745.424.616
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	10.004.582.735	7.656.322.206
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(20.686.628.709)	(10.671.577.614)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.740.565.884</b>	<b>18.150.872.905</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	16.353.830.185	18.150.872.905
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.613.264.301)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.241.419.966</b>	<b>1.333.503.301</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	24.196.095	120.323.641
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.213.745.240	1.213.179.660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	3.478.631	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>41.818.587.507</b>	<b>57.412.113.312</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>1.382.360.806</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	1.382.360.806
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.831.690.432</b>	<b>19.953.394.429</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	14.831.690.432	19.952.537.780
<i>Nguyên giá</i>	222		24.171.915.007	28.688.005.302
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.340.224.575)	(8.735.467.522)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	856.649
<i>Nguyên giá</i>	228		51.400.000	51.400.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(51.400.000)	(50.543.351)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>3.812.250.398</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	-	3.812.250.398
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>15.338.950.528</b>	<b>20.122.915.026</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	7.335.397.909	13.335.397.909
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	12.159.209.085	9.421.709.085
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.155.656.466)	(2.634.191.968)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.647.946.547</b>	<b>12.141.192.653</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	11.647.946.547	12.141.192.653
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>89.710.939.701</b>	<b>119.712.003.540</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.917.827.913</b>	<b>43.729.004.184</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.833.327.913</b>	<b>43.644.504.184</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	32.241.592.045	31.778.251.711
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.911.545.411	2.318.793.806
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.800.168.966	530.034.355
4. Phải trả người lao động	314		233.172.114	177.672.655
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	34.894.430	81.411.881
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	586.675.947	927.603.703
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	-	7.805.457.073
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	25.279.000	25.279.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>84.500.000</b>	<b>84.500.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	84.500.000	84.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

H H C H T T

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>52.793.111.788</b>	<b>75.982.999.356</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>52.793.111.788</b>	<b>75.982.999.356</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.543.810.000	96.543.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		96.543.810.000	96.543.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.298.680.000	6.298.680.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(1.686.650.000)	(1.686.650.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.532.087.481	1.532.087.481
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(49.894.815.693)	(26.704.928.125)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(26.704.928.125)	(26.704.928.125)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(23.189.887.568)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>89.710.939.701</b>	<b>119.712.003.540</b>

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Dương Thị Hồng Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa Huệ

Tổng Giám đốc



Mai Văn Sơn

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	26.308.024.133	31.834.216.688
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		26.308.024.133	31.834.216.688
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	27.998.793.885	26.924.105.528
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.690.769.752)	4.910.111.160
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	328.765.163	417.660.943
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.401.130.167	214.136.208
Trong đó: chi phí lãi vay	23		81.934.857	183.553.979
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	209.800.206	738.657.735
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.187.336.650	3.310.137.144
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(21.160.271.612)	1.064.841.016
12. Thu nhập khác	31		52.016	435.797.812
13. Chi phí khác	32	VI.7	2.065.776.457	186.487.501
14. Lợi nhuận khác	40		(2.065.724.441)	249.310.311
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(23.225.996.053)	1.314.151.327
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(36.108.485)	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(23.189.887.568)	1.314.151.327
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(2.430)	138
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(2.430)	138

Người lập biểu

Dương Thị Hồng Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Huế

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc

Mai Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(23.225.996.053)	1.314.151.327
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.746.634.583	2.871.181.978
- Các khoản dự phòng	03	15.261.023.577	286.424.096
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	75.753	17.849.294
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	115.875.389	(725.016.208)
- Chi phí lãi vay	06	81.934.857	183.553.979
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(6.020.451.894)	3.948.144.466
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.290.729.805	(12.145.197.040)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.797.042.720	(1.596.636.007)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.038.533.329	(1.883.946.601)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	589.373.652	619.225.263
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(90.078.899)	(182.638.161)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1.392.313.540)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.300.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.588.848.713</b>	<b>(12.633.361.620)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(3.007.533.488)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.278.544.875
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(628.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(6.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	14.700.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	298.468.870	289.326.472
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>298.468.870</b>	<b>7.632.337.859</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

HẠN  
VĂN  
HÀ

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh			
		Năm nay	Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	3.906.100.700	13.033.133.567	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.711.557.773)	(7.037.954.479)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(7.805.457.073)</b>	<b>5.995.179.088</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.918.139.490)</b>	<b>994.155.327</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.979.639.415</b>	<b>993.486.335</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(75.753)	(8.002.247)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>61.424.172</b>	<b>1.979.639.415</b>

Người lập biểu

Dương Thị Hồng Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Huế

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Mai Văn Sơn

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinavico (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, khai thác khoáng sản và xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là kinh doanh thương mại.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 27/01/2017, Cục thuế thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 4911/QĐ-CN-QLT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty Cổ phần Vinavico trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 30/01/2016, do Công ty còn nợ tiền phạt và tiền chậm nộp thuế theo quy định. Do đó doanh thu bán hàng hóa trong nước năm nay có sự giảm sút đáng kể so với năm trước.

Theo Nghị quyết số 165/NQ-HĐQT/VINAVICO ngày 07 tháng 11 năm 2016, Hội đồng quản trị quyết định chuyển địa bàn hoạt động của Ban điều hành Công ty lên thị trấn Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

#### 6. Cấu trúc Công ty

*Công ty liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone	Số 54, phố Khương Trung, phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét, bán buôn	48,9%	48,9%	48,9%

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 9 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 19 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với nợ phải thu bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

#### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất dở dang của các công trình, là chi phí tương ứng với nguyên vật liệu và nhân công của hạng mục chưa được nghiệm thu.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí đầu tư mô và chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Chi phí đầu tư mô*

Chi phí đầu tư mô được phân bổ vào chi phí theo thời gian thực hiện dự á (30 năm).

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

315  
NH  
NG  
HIỆP  
AN  
A &  
I H  
DA

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

00  
TỔNG  
TỔNG  
HỮU  
TỔNG  
C  
TỔNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 12. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### 13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh

#### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

#### 20. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	11.340.686	16.783.686
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.547.485	162.855.729
Các khoản tương đương tiền	-	1.800.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	1.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>61.888.171</u></b>	<b><u>1.979.639.415</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Cổ phiếu</b>	<b>302.325.055</b>	<b>(61.178.355)</b>	<b>302.325.055</b>	<b>(61.159.155)</b>
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	665.055	(549.855)	665.055	(530.655)
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Việt Nam	301.660.000	(60.628.500)	301.660.000	(60.628.500)
<b>Cộng</b>	<b><u>302.325.055</u></b>	<b><u>(61.178.355)</u></b>	<b><u>302.325.055</u></b>	<b><u>(61.159.155)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	61.159.155	61.093.530
Trích lập dự phòng bổ sung	19.200	65.625
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>61.178.355</u></b>	<b><u>61.159.155</u></b>

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>7.335.397.909</b>	<b>(2.203.641.063)</b>	<b>13.335.397.909</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone <sup>(i)</sup>	7.335.397.909	(2.203.641.063)	7.335.397.909	-
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico <sup>(ii)</sup>	-	-	6.000.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>12.159.209.085</b>	<b>(1.952.015.403)</b>	<b>9.421.709.085</b>	<b>(2.634.191.968)</b>
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico <sup>(ii)</sup>	3.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Năng lượng Việt Nam	1.209.085	(639.403)	1.209.085	(1.009.885)
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Việt Nam	-	-	262.500.000	(111.224.483)

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi II	2.096.000.000	(1.951.376.000)	2.096.000.000	(1.951.376.000)
Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình	732.000.000	-	732.000.000	(570.581.600)
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin và Truyền thông Nam Việt	250.000.000	-	250.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông tin Vinavico	80.000.000	-	80.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>19.494.606.994</b>	<b>(4.155.656.466)</b>	<b>22.757.106.994</b>	<b>(2.634.191.968)</b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105451585 thay đổi lần 1 ngày 06 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone 7.350.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 7.335.397.909 VND, tương đương 48,9% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone là 14.602.091 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200818874 thay đổi lần 1 ngày 26 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico 5.000.000.000 VND (500.000 Cổ phần) tương đương 27,8% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 139a ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico thì Công ty được góp thêm 1.000.000.000 VND vốn điều lệ (100.000 cổ phần). Theo Hợp đồng ủy thác số 157/HĐUT/VINA VICO/HANG ngày 15 tháng 7 năm 2015 giữa Công ty với bà Phạm Thị Thúy Hằng thì Công ty ủy thác cho bà Phạm Thị Thúy Hằng đứng tên góp vốn vào Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico là 3.000.000.000 VND (300.000 cổ phần) từ ngày 15 tháng 7 năm 2015 đến ngày 15 tháng 7 năm 2020. Ngày 15 tháng 7 năm 2016, Công ty và bà Phạm Thị Thúy Hằng đã ký biên bản thanh lý hợp đồng ủy thác số 157/HĐUT/VINA VICO/HANG ngày 15 tháng 7 năm 2015. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 3.000.000.000 VND, tương đương 16,68% vốn điều lệ.

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Giao dịch với công ty liên kết

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone</b>		
VnStone thanh toán công nợ	205.000.000	-
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa và thuê nhân công của VnStone	-	362.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>17.069.086.504</b>	<b>8.092.812.632</b>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone	3.986.775.942	4.191.775.942
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico	11.062.310.563	2.481.036.691
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt	2.019.999.999	1.419.999.999
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>9.661.156.617</b>	<b>13.577.335.392</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Phong	5.154.176.709	4.258.576.039
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển lâm nghiệp và Xây dựng Thành Đạt	3.592.157.489	3.142.583.671
Các khách hàng khác	914.822.419	6.176.175.682
<b>Cộng</b>	<b><u>26.730.243.121</u></b>	<b><u>21.670.148.024</u></b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<b>14.861.945.577</b>	<b>11.955.556.285</b>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone	3.751.288.078	3.751.288.078
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico	9.785.657.499	6.879.268.207
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt	1.325.000.000	1.325.000.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<b>402.228.132</b>	<b>7.238.835.190</b>
Guangxi Construction	-	6.371.782.200
Các nhà cung cấp khác	402.228.132	867.052.990
<b>Cộng</b>	<b><u>15.264.173.709</u></b>	<b><u>19.194.391.475</u></b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	<b>150.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt	-	150.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>2.295.424.616</b>	<b>2.595.424.616</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Phong	1.314.424.616	1.314.424.616
Công ty Cổ phần Vận tải và Thi công Cơ giới Thái Bình	503.000.000	503.000.000
Công ty TNHH Đá Cẩm Thạch An Phú	478.000.000	478.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lâm nghiệp và Xây dựng Thành Đạt	-	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.295.424.616</u></b>	<b><u>2.745.424.616</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>	<b>11.087.317.519</b>	<b>82.500.000</b>	<b>2.524.253.500</b>	-
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	7.742.317.520	-	4.253.500	-
- Tiền bán hàng	3.986.775.942	-	-	-
- Tiền chi hộ	4.253.500	-	4.253.500	-
- Ứng trước tiền hàng	3.751.288.078	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt	3.344.999.999	82.500.000	2.520.000.000	-
- Tiền bán hàng	2.019.999.999	-	1.360.000.000	-
- Ứng trước tiền hàng	1.325.000.000	82.500.000	1.160.000.000	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>10.016.411.190</b>	<b>334.600.000</b>	<b>8.298.420.514</b>	<b>151.096.400</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Phong	6.468.601.325	-	5.573.000.655	-
- Tiền bán hàng	5.154.176.709	-	4.258.576.039	-
- Tiền cho vay	1.314.424.616	-	1.314.424.616	-
Ông Nguyễn Văn Đông - Phải thu về hỗ trợ tài chính	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.347.809.865	334.600.000	1.525.419.859	151.096.400
<b>Cộng</b>	<b>21.103.728.709</b>	<b>417.100.000</b>	<b>10.822.674.014</b>	<b>151.096.400</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.671.577.614	10.385.219.143
Trích lập dự phòng bổ sung	10.015.051.095	286.358.471
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.686.628.709</b>	<b>10.671.577.614</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	274.586.275	-	294.060.293	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.994.374.861	-	2.279.941.511	-
Thành phẩm	12.922.399.198	3.613.264.301	12.922.399.198	-
Hàng hóa	1.116.698.144	-	2.608.700.196	-
Hàng gửi đi bán	45.771.707	-	45.771.707	-
<b>Cộng</b>	<b>16.353.830.185</b>	<b>3.613.264.301</b>	<b>18.150.872.905</b>	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	3.613.264.301	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.613.264.301</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	11.476.766	13.507.735
Thuế xuất khẩu, chi phí vận chuyển các lô hàng gửi đi bán	-	73.399.492
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.719.329	33.416.414
<b>Cộng</b>	<b><u>24.196.095</u></b>	<b><u>120.323.641</u></b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí đầu tư mỏ (*)	11.591.009.909	12.030.951.972
Các chi phí trả trước dài hạn khác	56.936.638	110.240.681
<b>Cộng</b>	<b><u>11.647.946.547</u></b>	<b><u>12.141.192.653</u></b>

(\*) Là chi phí đầu tư khai thác mỏ đá. Thời gian khai thác đến năm 2043.

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	18.549.723.655	7.644.604.829	2.432.731.364	60.945.454	28.688.005.302
Thanh lý, nhượng bán	(2.338.581.204)	(2.177.509.091)	-	-	(4.516.090.295)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>16.211.142.451</u></b>	<b><u>5.467.095.738</u></b>	<b><u>2.432.731.364</u></b>	<b><u>60.945.454</u></b>	<b><u>24.171.915.007</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	131.500.000	-	60.945.454	192.445.454
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	2.371.897.658	4.911.525.616	1.391.098.794	60.945.454	8.735.467.522
Khấu hao trong năm	720.336.756	766.628.040	258.813.138	-	1.745.777.934
Thanh lý, nhượng bán	(188.501.814)	(952.519.067)	-	-	(1.141.020.881)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.903.732.600</u></b>	<b><u>4.725.634.589</u></b>	<b><u>1.649.911.932</u></b>	<b><u>60.945.454</u></b>	<b><u>9.340.224.575</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	16.177.825.997	2.733.079.213	1.041.632.570	-	19.952.537.780
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>13.307.409.851</u></b>	<b><u>741.461.149</u></b>	<b><u>782.819.432</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>14.831.690.432</u></b>
Tạm thời chưa sử dụng	7.218.206.162	741.461.149	148.929.264	-	8.108.596.575
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>1.911.545.411</b>	<b>2.318.793.806</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Linh	1.149.024.250	1.149.024.250
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Anh Tuấn	518.746.412	518.746.412
Các khách hàng khác	243.774.749	651.023.144
<b>Cộng</b>	<b>1.911.545.411</b>	<b>2.318.793.806</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế xuất khẩu	-	-	1.583.263.979	(1.583.263.979)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.108.485	-	(36.108.485)	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	493.925.870	-	22.149.006	(519.553.507)	-	3.478.631
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	-	-	1.801.828.966	(1.660.000)	1.800.168.966	-
<b>Cộng</b>	<b>530.034.355</b>	<b>-</b>	<b>3.375.133.466</b>	<b>(2.108.477.486)</b>	<b>1.800.168.966</b>	<b>3.478.631</b>

(\*) Là khoản phạt chậm nộp thuế phải nộp theo Thông báo số 68253/TB-CT ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.225.996.053)	1.314.151.327
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.357.864.040	248.988.938
- Các khoản điều chỉnh giảm	4.370.861.754	248.988.938
Các khoản phạt chậm nộp thuế	1.802.687.882	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.364.536.563	59.364.043
Khấu hao nhà cửa chưa có quyền sở hữu	119.450.208	119.450.208
Khấu hao ô tô tương ứng nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	21.111.348	21.111.348
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	63.000.000	36.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC	-	65.625
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	75.753	12.997.714
- Các khoản điều chỉnh giảm	(12.997.714)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục tiền và các khoản phải thu cuối năm trước	(12.997.714)	-
Thu nhập chịu thuế	(18.868.132.013)	1.563.140.265
Thu nhập được miễn thuế	(298.468.870)	(279.526.472)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(1.283.613.793)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(19.166.600.883)</b>	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>(36.108.485)</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>(36.108.485)</b>	<b>-</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>34.894.430</i>	<i>81.411.881</i>
Chi phí công trình	24.725.000	24.725.000
Chi phí vận chuyển bốc dỡ	3.869.090	40.661.930
Chi phí lãi vay	4.890.000	13.034.042
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.410.340	2.990.909
<b>Cộng</b>	<b>34.894.430</b>	<b>81.411.881</b>

**18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>32.600.000</i>	<i>252.900.000</i>
Phải trả về tiền thù lao HĐQT	32.600.000	252.900.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>554.075.947</i>	<i>674.703.703</i>
Kinh phí công đoàn	71.275.763	66.335.514
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	530.000
Cổ tức năm 2010	42.300.184	42.300.184
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	440.500.000	565.538.005
<b>Cộng</b>	<b>586.675.947</b>	<b>927.603.703</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 18b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược.

#### 18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 19. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	<i>800.000.000</i>
Vay Ông Mai Hồng Bằng không tính lãi	-	800.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	<i>7.005.457.073</i>
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III	-	6.980.457.073
Vay Bà Nguyễn Thị Hoa	-	25.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b><u>7.805.457.073</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.980.457.073	3.906.100.700	(10.886.557.773)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	825.000.000	-	(825.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.805.457.073</u></b>	<b><u>3.906.100.700</u></b>	<b><u>(11.711.557.773)</u></b>	<b>-</b>

#### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	(178.753.828)	-	-	(178.753.828)
Quỹ phúc lợi	(155.894.174)	-	(16.300.000)	(172.194.174)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	25.279.000	-	-	25.279.000
<b>Cộng</b>	<b><u>(309.369.002)</u></b>	<b>-</b>	<b><u>(16.300.000)</u></b>	<b><u>(325.669.002)</u></b>

Quỹ khen thưởng chỉ vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” (xem thuyết minh số V.6).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	1.532.087.481	(28.019.079.452)	74.668.848.029
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	1.314.151.327	1.314.151.327
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>96.543.810.000</b>	<b>6.298.680.000</b>	<b>(1.686.650.000)</b>	<b>1.532.087.481</b>	<b>(26.704.928.125)</b>	<b>75.982.999.356</b>
Số dư đầu năm nay	96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	1.532.087.481	(26.704.928.125)	75.982.999.356
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(23.189.887.568)	(23.189.887.568)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>96.543.810.000</b>	<b>6.298.680.000</b>	<b>(1.686.650.000)</b>	<b>1.532.087.481</b>	<b>(49.894.815.693)</b>	<b>52.793.111.788</b>

**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Ông Mai Hồng Bằng	19.355.220.000	20,05%	19.355.220.000
Các cổ đông khác	77.188.590.000	79,95%	77.188.590.000
<b>Cộng</b>	<b>96.543.810.000</b>	<b>100%</b>	<b>96.543.810.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.654.381	9.654.381
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.654.381	9.654.381
- Cổ phiếu phổ thông	9.654.381	9.654.381
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	112.000	112.000
- Cổ phiếu phổ thông	112.000	112.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.542.381	9.542.381
- Cổ phiếu phổ thông	9.542.381	9.542.381
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### *Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 274,37 USD (số đầu năm là 621,55 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	26.217.864.133	10.869.027.640
Doanh thu bán thành phẩm	-	10.719.219.093
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.160.000	524.890.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	9.721.079.955
<b>Cộng</b>	<b><u>26.308.024.133</u></b>	<b><u>31.834.216.688</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.235.529.583	10.130.722.183
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	8.247.109.299
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	202.572.540
Chi phí bảo hành công trình	150.000.001	8.343.701.506
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.613.264.301	-
<b>Cộng</b>	<b><u>27.998.793.885</u></b>	<b><u>26.924.105.528</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	2.400.000	9.800.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.030.507	4.369.460
Cổ tức, lợi nhuận được chia	298.468.870	279.526.472
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	24.865.786	123.918.211
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	46.800
<b>Cộng</b>	<b><u>328.765.163</u></b>	<b><u>417.660.943</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	81.934.857	183.553.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	139.371.359	11.715.779
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.395.838.553	17.849.294
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	151.275.517	-
Dự phòng/ (Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	1.632.708.181	65.625
Chi phí tài chính khác	1.700	951.531
<b>Cộng</b>	<b><u>4.401.130.167</u></b>	<b><u>214.136.208</u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	12.745.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.286.706	557.029.563
Các chi phí khác	22.513.500	168.882.656
<b>Cộng</b>	<b><u>209.800.206</u></b>	<b><u>738.657.735</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.434.082.229	1.148.688.232
Chi phí đồ dùng văn phòng	371.802.586	129.257.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.746.634.583	395.929.870
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	11.299.091
Dự phòng phải thu khó đòi	10.015.051.095	286.358.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.227.201.402	1.137.810.500
Các chi phí khác	388.564.755	200.793.341
<b>Cộng</b>	<b><u>15.187.336.650</u></b>	<b><u>3.310.137.144</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	263.068.742	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.802.687.882	-
Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	186.487.501
Chi phí khác	19.833	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.065.776.457</u></b>	<b><u>186.487.501</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

##### 8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.189.887.568)	1.314.151.327
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(23.189.887.568)	1.314.151.327
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	9.542.381	9.542.381
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(2.430)</b>	<b>138</b>

##### 8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.858.045.244
Chi phí nhân công	1.434.082.229	2.327.830.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.746.634.583	2.406.064.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.936.290.695	9.079.184.423
Chi phí khác	14.043.393.651	6.455.924.357
<b>Cộng</b>	<b>19.160.401.158</b>	<b>22.127.049.193</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên các thành viên Ban điều hành:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho Công ty vay	-	800.000.000
Nhận lại tiền cho Công ty vay	800.000.000	-
Tạm ứng	363.371.364	5.579.727.352
Hoàn ứng	281.734.297	5.410.819.007
Thuê nhà làm văn phòng	200.000.000	200.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6, V.18 và V.19.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	158.937.464	371.786.681
Thù lao	45.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>203.937.464</u></b>	<b><u>371.786.681</u></b>

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico	Công ty cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt	Công ty cùng thành viên HĐQT

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico</i></b>		
Thanh lý tài sản cho Khoáng sản Vinavico	7.123.151.070	7.346.396.991
Bán hàng hóa cho Khoáng sản Vinavico	1.342.773.055	-
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa và thuê nhân công của Khoáng sản Vinavico	11.012.946.827	4.049.083.446
<b><i>Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt</i></b>		
Bán hàng hóa cho Giải Pháp Việt	6.645.200.000	5.909.091
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa phải trả Giải Pháp Việt	573.336.010	-

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.6.

#### 2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

LA  
CH  
C  
CH  
M T  
T  
VG

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2a. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	9.816.859.239	16.491.164.894	26.308.024.133
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.816.859.239</b>	<b>16.491.164.894</b>	<b>26.308.024.133</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(3.099.706.792)	1.408.937.040	(1.690.769.752)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(15.397.136.856)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(17.087.906.608)
Doanh thu hoạt động tài chính			328.765.163
Chi phí tài chính			(4.401.130.167)
Thu nhập khác			52.016
Chi phí khác			(2.065.776.457)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			36.108.485
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>(23.189.887.568)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>			<b>2.187.027.079</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	24.815.311.127	7.018.905.561	31.834.216.688
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>24.815.311.127</b>	<b>7.018.905.561</b>	<b>31.834.216.688</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.989.502.126	920.609.034	4.910.111.160
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(4.048.794.879)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			861.316.281
Doanh thu hoạt động tài chính			417.660.943
Chi phí tài chính			(214.136.208)
Thu nhập khác			435.797.812
Chi phí khác			(186.487.501)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>1.314.151.327</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>3.007.533.488</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>			<b>3.641.866.441</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

418  
 NH  
 ĐNG  
 NHIEP  
 DAN  
 A &  
 AI HI  
 DA

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>41.798.239.230</u>	<u>196.177.600</u>	<u>41.994.416.830</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>47.716.522.871</u>
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>89.710.939.701</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>36.917.827.913</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>36.917.827.913</u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>40.356.830.017</u>	<u>1.890.070.288</u>	<u>42.246.900.305</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>77.465.103.235</u>
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>119.712.003.540</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>-</u>	<u>576.169.303</u>	<u>576.169.303</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>43.152.834.881</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>43.729.004.184</u></b>

#### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là lĩnh vực thương mại.

#### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### Các khoản cho vay

Công ty cho các Công ty khác vay tiền. Hai trong số các Công ty này không có khả năng trả nợ. Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là trung bình.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.424.172	-	61.424.172
Chứng khoán kinh doanh	-	302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	14.911.244.312	11.818.998.809	26.730.243.121
Các khoản cho vay	-	2.295.424.616	2.295.424.616
Các khoản phải thu khác	67.075.400	1.510.789.074	1.577.864.474
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.062.000.000	2.097.209.085	12.159.209.085
<b>Cộng</b>	<b>25.101.743.884</b>	<b>18.024.746.639</b>	<b>43.126.490.523</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.979.639.415	-	1.979.639.415
Chứng khoán kinh doanh	-	302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	17.136.727.609	5.915.781.221	23.052.508.830
Các khoản cho vay	928.000.000	1.817.424.616	2.745.424.616
Các khoản phải thu khác	290.395.973	1.510.789.074	1.801.185.047
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.330.000.000	3.091.709.085	9.421.709.085
<b>Cộng</b>	<b>26.664.762.997</b>	<b>12.638.029.051</b>	<b>39.302.792.048</b>

### 3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	32.241.592.045	-	-	32.241.592.045
Các khoản phải trả khác	333.694.614	84.500.000	-	418.194.614
<b>Cộng</b>	<b>32.575.286.659</b>	<b>84.500.000</b>	-	<b>32.659.786.659</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	7.805.457.073	-	-	7.805.457.073
Phải trả người bán	31.778.251.711	-	-	31.778.251.711
Các khoản phải trả khác	646.949.886	84.500.000	-	731.449.886
<b>Cộng</b>	<b>40.230.658.670</b>	<b>84.500.000</b>	-	<b>40.315.158.670</b>

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu hàng hóa với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm (USD)</u>	<u>Số đầu năm (USD)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	274,37	621,55
Phải thu khách hàng	-	75.100,00
Phải trả người bán	(1.403.000,00)	(1.403.000,00)
<b>Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(1.402.725,63)</b>	<b>(1.327.278,45)</b>

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm (VND)</u>	<u>Số đầu năm (VND)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.800.000.000
Vay và nợ	-	6.980.457.073
<b>Nợ phải trả thuần</b>	<b>-</b>	<b>8.780.457.073</b>

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

### 3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.424.172		1.979.639.415	-
Chứng khoán kinh doanh	302.325.055	(61.178.355)	302.325.055	(61.159.155)
Phải thu khách hàng	26.730.243.121	(11.818.998.809)	23.052.508.830	(7.343.363.924)
Các khoản cho vay	2.295.424.616	(1.960.824.616)	2.745.424.616	(1.817.424.616)
Các khoản phải thu khác	1.577.864.474	(1.510.789.074)	1.801.185.047	(1.510.789.074)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.159.209.085	(1.952.015.403)	9.421.709.085	(2.634.191.968)
<b>Cộng</b>	<b>43.126.490.523</b>	<b>(17.303.806.257)</b>	<b>39.302.792.048</b>	<b>(13.366.928.737)</b>

##### Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	-	7.805.457.073
Phải trả người bán	32.241.592.045	31.778.251.711
Các khoản phải trả khác	418.194.614	731.449.886
<b>Cộng</b>	<b>32.659.786.659</b>	<b>40.315.158.670</b>

##### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 5. Khả năng hoạt động liên tục

Theo Nghị quyết số 125/NQ-HĐQT/VINA VICO ngày 12 tháng 8 năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định bàn giao toàn bộ các khách hàng hiện tại của Công ty cho Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico để Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Vinavico tiếp tục thực hiện việc chăm sóc, đảm bảo cung cấp hàng hóa liên tục cho các khách hàng. Ngoài ra, Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2016 bị lỗ 23.189.887.568 VND và lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 49.894.815.693 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng Công ty vẫn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ nguồn thu các khoản nợ phải thu và thanh lý các khoản đầu tư. Tài sản ngắn hạn của Công ty vẫn đảm bảo lớn hơn nợ ngắn hạn tại ngày kết thúc năm tài chính. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Dương Thị Hồng Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa Huế

Tổng Giám đốc



Mai Văn Sơn

